TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2018/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 6 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Kết

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 18 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 200/2018/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 về việc ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Hồng N, sinh năm 1992 (*có mặt*)
Địa chỉ: Ấp HD, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Chí H, sinh năm 1983 (*vắng mặt*)
Địa chỉ: Ấp HD, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trần Thị Hồng N trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị N và anh Nguyễn Chí H kết hôn vào năm 2010, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, mặc dù gia đình hai bên đã hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, do vợ chồng thường xuyên cải nhau vì bất đồng quan điểm, anh H thường xuyên chửi chị. Từ đó, tình cảm vợ chồng không còn gắn bó, thương yêu nhau, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai còn

trách nhiệm với ai, vợ chồng đã ly thân với nhau gần 08 tháng. Nay chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

- *Về nuôi con chung*: Trong quá trình chung sống, chị N và anh H có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 03/5/2012, hiện chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- *Về chia tài sản*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ người khác và người khác nợ lại*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Chí Hiện trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh đồng ý ly hôn với chị N.
- *Về nuôi con chung*: Anh đồng ý giao cháu Nguyễn Hoàng N cho chị N nuôi. Anh chỉ cấp dưỡng nuôi con theo khả năng, không đồng ý quy định hàng tháng là bao nhiêu.
- *Về chia tài sản*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- *Về nợ người khác và người khác nợ lại vợ chồng*: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Vụ kiện giữa nguyên đơn chị Trần Thị Hồng N, bị đơn anh Nguyễn Chí H là vụ kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về tố tụng*: Ngày 25/5/2015, anh H có đơn xin từ chối tham gia tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh H.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của chị N về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng*: Vào năm 2010, chị N và anh H kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình tại Ủy ban nhân dân xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét về nguyên nhân mâu thuẫn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị N yêu cầu được ly hôn với anh H, còn tại đơn xin từ chối tham gia tố tụng ngày 25/5/2018 thì anh H đồng ý ly hôn với chị N. *Xét thấy*: Việc thuận tình ly hôn giữa chị N và anh H là hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Xét yêu cầu về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử thấy rằng*: Khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi cháu N, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Còn anh H cũng đồng ý giao cháu N cho chị N nuôi, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. *Xét thấy*: Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của chị N và anh H nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Giao cháu N cho chị N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh H không phải cấp dưỡng nuôi cháu N.

[5] *Xét về chia tài sản và nợ*: Chị N và anh H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] *Về án phí hôn nhân và gia đình*: Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; Điều 35; Điều 91; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Hồng N.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Trần Thị Hồng N được ly hôn với anh Nguyễn Chí H.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 03/5/2012 cho chị Trần Thị Hồng N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Chí H không phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hoàng N. Anh Nguyễn Chí H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*:

Chị Trần Thị Hồng N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lại số 0009854 ngày 03/5/2018 của Chi cục Thi hành án

dân sự huyện Đầm Dơi; chị Trần Thị Hồng N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

5. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hánh án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Uỷ ban nhân dân xã Nguyễn Huân, H. Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*đã ký*)

Trương Minh Thịnh